TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Số: 308/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Đông Anh, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Bùi Văn L, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị sinh sống tại gia đình anh L ở thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến ngày 01/7/2019 thì trở nên trầm trọng, anh, chị sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi không có trách nhiệm với gia đình, anh, chị bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị H, anh L cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ gia đình nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế anh, chị đã sống ly thân. Việc thuận tình ly hôn của chị H, anh L là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L có 02 con chung là Bùi Thị Trà G, sinh ngày 31/3/201x và Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 26/7/201x. Chị H, anh L thỏa thuận, sau khi ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà G và cháu Bùi Thị Quỳnh C đến khi các con

chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị H, anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị H, anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về Tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L thỏa thuận để chị H chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Bùi Thị Trà G, sinh ngày 31/3/201x và cháu Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 26/7/201x đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn L thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008780 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 22/02/2011);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)